TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 558 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Trung Vân Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Tư Sanh

2- Bà Lương Thị Bạch

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tú Q trú tại Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Hồ Hải P**,** đăng ký thường trú tại Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ chấp hành án tại trại giam TĐ, xã A, huyện H, tỉnh B.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Trần Thị Tú Q trình bày:

Bà và ông P sống chung từ năm 2013, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2014, quyển số 01/2014 ngày 08/3/2014). Ông bà có một người con chung tên Hồ Hải Đ (nam) – Sinh ngày : 31/3/2014.

Sau khi bà và ông kết hôn thì hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nên tháng 04 năm 2014 bà đã đưa cháu Đ về nhà cha mẹ bà sống. Từ đó đến nay bà không gặp cũng không liên lạc được với ông P. Bà nhận thấy cuộc hôn nhân của bà và ông P không có hạnh phúc, không đạt được mục đích của hôn nhân, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không thực hiện được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Khi ly hôn : Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Hồ Hải Đ (nam) – Sinh ngày : 31/3/2014 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bà tự khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B, bị đơn là ông Hồ Hải P trình bày:

Ông và bà Trần Thị Tú Q sống chung từ năm 2013, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà có một người con chung tên Hồ Hải Đ (nam) – Sinh ngày : 31/3/2014.

Ông đồng ý ly hôn với bà Q và đồng ý giao người con chung tên Hồ Hải Đ cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông xác định ông và bà Q không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn không tham gia hòa giải được và đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung ý kiến là từ năm 2014 đến nay bà và ông P không liên lạc gì với nhau, bà cũng không biết gì về cuộc sống của ông P cho đến khi bà nộp đơn ly hôn và được người nhà ông P cho biết ông P phạm tội và đang phải chấp hành án. Bà và ông P không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu Hội đồng xét xử cho bà được ly hôn với ông P.

Bị đơn: Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán, hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng qui trình tố tụng giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng qui định pháp luật.

Về nội dung : Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể : Cho bà Q ly hôn với ông P ; giao người con chung tên Hồ Hải Đ cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng ; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho ông P vì bà Q không yêu cầu.

Về án phí : Án phí ly hôn sơ thẩm do bà Q chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tú Q, xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận N căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Hồ Hải P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện :

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tú Q và ông Hồ Hải P sống chung từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn đúng qui định nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Bà Q yêu cầu được ly hôn với ông P do sau khi kết hôn ông bà đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và không sống chung từ năm 2014 đến nay đồng thời hai bên không liên lạc gì với nhau. Nhận thấy, ông P và bà Q đã không sống chung một thời gian dài, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được đồng thời ông P cũng đồng ý ly hôn với bà Q. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Q, cho bà Q ly hôn với ông P căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà Trần Thị Tú Q yêu cầu Tòa án giao cháu Hồ Hải Đ cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi sinh ra đến nay, cháu Đ ở với bà Q. Ông P đang phải chấp hành án nên không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đồng thời ông P cũng thống nhất với yêu cầu của bà Q do đó yêu cầu của bà Q là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Hải Đ cho ông P vì bà Q không yêu cầu.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Q và ông P đều tự khai không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà Q và ông P đều tự khai vợ chồng không có khoản nợ nào chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Tú Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Tú Q ly hôn ông Hồ Hải P.

2. Về con chung:

Giao người con chung tên Hồ Hải Đ (nam) – Sinh ngày : 31/3/2014 cho bà Trần Thị Tú Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông P vì bà Q không yêu cầu.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định tại các điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tú Q và ông Hồ Hải P đều xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Tú Q và ông Hồ Hải P đều tự khai vợ chồng không có khoản nợ nào chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Tú Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AG/2014/0006074 ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Q đã nộp đủ tiền án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị Tú Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Hồ Hải P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TANDTP-VKSNDTP;*
- *VSKND Quận 5;*
- *Chi cục THA Dân sự Q.N;*
- *UBND Phường M, Quận N;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ - VP.*

Lương Trung Vân Nhi